

Bản án: 16/2025/ HNGĐ - ST

Ngày 24/4/2025

“ V/v tranh chấp ly hôn, con chung ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Hùng;

2. Bà Nguyễn Thị Bắc;

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Chuyên - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXX- ST ngày 08 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/HPT-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Triệu Thị H, sinh năm 1994; có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện S, Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đàm Văn S, sinh năm 1995; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện S, Bắc Giang.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tư Thị H1, sinh năm 1973; có đơn xin vắng mặt

2. Ông Đàm Văn T, sinh năm 1975; có đơn xin vắng mặt

Cùng trú tại địa chỉ: Thôn K, xã Y, huyện S, Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn cùng với anh Đàm Văn S vào tháng 10 năm 2017, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, và có đăng ký kết

hôn tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang cưới xong chị về sinh sống cùng gia đình anh S luôn từ đó cho đến nay tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn phát sinh từ đầu năm 2024, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai, do đó tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân về mặt tình cảm từ đầu năm 2024 cho đến nay.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh S được ly hôn nhau.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Đàm Hồng X, sinh ngày 25/6/2014 và cháu Đàm Thiên Â, sinh ngày 27/6/2017. Hiện nay các cháu đang ở cùng với anh S và bố, mẹ anh S, nay anh S không có ở nhà chị nhất trí để ông T, bà H1 chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Đàm Thiên Â cho đến khi anh S trở về. Nếu trường hợp phải ly hôn chị đề nghị mỗi người nuôi 01 con. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị hiện đang làm công nhân thu nhập khoảng 7.000.000đ/tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[2]. Bị đơn anh Đàm Văn S hiện không có mặt tại nơi cư trú, Tòa án giao cho gia đình anh S và niêm yết tại địa phương thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa để anh S biết đến làm việc tại Tòa án nhưng anh S vẫn vắng mặt. Hoạch vẫn v, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh S.

[3]. Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan của bà Tơ Thị H1, ông Đàm Văn T trình bày:

Anh Đàm Văn S là con trai của ông, bà. Hiện nay anh S đã đi làm ăn hiện nay anh S vắng mặt tại gia đình. Khi đi làm ăn, anh S chỉ báo là đi làm nhưng không nói rõ địa chỉ cụ thể là ở đâu nên ông, bà không nắm được; Gia đình vẫn thường xuyên liên hệ được với anh Sáng qua điện thoại và thỉnh thoảng anh S cũng về nhà thăm các con.

Anh S kết hôn với chị H vào năm 2017, trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y; cưới xong chị H về gia đình nhà ông, bà ở chung cùng gia đình luôn, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020, ông, bà không rõ nguyên nhân mâu thuẫn là gì chỉ biết là từ đó cho đến nay chị H đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống, không còn ở chung với ông, bà và các con.

Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh S được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống chị H và anh S có 02 con chung là cháu Đàm Hồng X, sinh ngày 25/6/2014 và cháu Đàm Thiên Â, sinh ngày 27/6/2017. Hiện nay các cháu đang ở cùng với gia đình ông, bà từ nhỏ; chị H đề nghị Tòa án giao cho mỗi người 01 cháu để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ông, bà không nhất trí, ông, bà mong muốn được nuôi cả 02 cháu, đồng thời hiện nay anh S vắng mặt tại địa phương nên ông, bà nhất trí nuôi dưỡng các cháu; ông bà bảo đảm và cam kết sẽ chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi anh S về. Về cấp dưỡng nuôi con ông, bà không yêu cầu. Ông, bà làm ruộng và làm thêm có mức thu nhập 5.000.000đ/tháng, ông, bà đảm bảo việc nuôi cháu, ông, bà hiện nay cũng đã có nhà riêng để ở.

[4]. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn anh H2 vắng mặt không chấp hành đến Tòa án để giải quyết vụ án là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị H và anh Đàm Văn S được ly hôn nhau.

Về con chung: Giao cháu Đàm Hồng X, sinh ngày 25/6/2014 cho chị Triệu Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Đàm Thiên Â, sinh ngày 27/6/2017 cho anh Đàm Văn S chăm sóc, giáo dục. Do anh S không có nhà nên ông Đàm Văn T, bà Tơ Thị H1 có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Â trong thời gian anh S vắng mặt tại gia đình cho đến khi anh S trở về; Về cấp dưỡng nuôi con ông T, bà H1 không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Triệu Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị Triệu Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động giải quyết ly hôn với anh Đàm Văn S, anh S hiện đang cư trú tại huyện S. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S vẫn vắng mặt lần thứ hai; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện*:

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và những tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H kết hôn với anh Đàm Văn S vào tháng 10/2017, trước khi kết hôn hai bên có tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, sau khi cưới mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang số 27 ngày 03 tháng 10 năm 2017. Sau khi cưới chị H về gia đình anh S ở chung sống cùng nhau; quá trình chung sống ban đầu tình cảm hòa thuận hạnh phúc; xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là hợp pháp.

Mâu thuẫn phát sinh bắt đầu phát sinh từ đầu năm 2024, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai, do đó tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân về mặt tình cảm từ đầu năm 2024 cho đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin ly hôn anh S.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình”.

Xét thấy: Chị H và anh S đã xảy ra mâu thuẫn thường xuyên, hai bên đã không quan tâm giúp đỡ đến nhau, không cùng chăm sóc, nuôi dạy con chung cũng như đã ly thân nhau về mặt tình cảm được một khoảng thời gian và cả hai không giải hòa được. Như vậy, chị H và anh S đã vi phạm nghĩa vụ chung sống vợ chồng, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H, cho chị H và anh S được ly hôn nhau theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung là cháu Đàm Hồng X, sinh ngày 25/6/2014 và cháu Đàm Thiên Â, sinh ngày 27/6/2017, hiện cả hai cháu đang ở cùng với bố mẹ anh S là bà H1, ông T. Chị H có nguyện vọng để chị và anh S mỗi người chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 01 cháu nhưng hiện nay anh S không có mặt tại gia đình nên chị nhất trí để bà H1, ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 01 cháu cho đến khi anh S trở về. Căn cứ vào việc làm, thu nhập và điều kiện của

bà H1, ông T thì cháu Â từ nhỏ đã được ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Â nên giao cho anh Đàm Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Â, chị Triệu Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu X là hợp lý theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chị H, bà H1, ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] *Về án phí:* Chị H là người dân tộc thiểu số thường xuyên sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[4] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Triệu Thị H và anh Đàm Văn S được ly hôn nhau.

[2]. Về con chung: Giao cháu Đàm Hồng X, sinh ngày 25/6/2014 cho chị Triệu Thị H nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Đàm Thiên Â, sinh ngày 27/6/2017 cho anh Đàm Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do anh S không có nhà nên giao cho ông Đàm Văn T, bà Tư Thị H1 có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Â trong thời gian anh S vắng mặt tại gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con các bên không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3]. Về án phí: Chị Triệu Thị H được miễn án phí DSST ly hôn.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Yên Định;
- Lưu .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn